

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2022

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Anh

2. Bà Trần Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 15 phút, ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 374/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A - sinh năm 2000

Trú tại: khu phố 14, phường C, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Ông Lê Minh B - sinh năm 1995

Trú tại: khu phố 14, phường C, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà A, vắng mặt ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Minh B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình chung sống, ông bà không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Đã nhiều lần vợ chồng hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn

lại tiếp tục xảy ra, hai người đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống. Nay không còn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có con Lê Nguyễn Minh D, sinh ngày 24/3/2020. Hiện bà đang nuôi con. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Lê Minh B:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cho biết, có đến nhà ông Lê Minh B tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông B không nhận và không đến tòa. Hiện ông B vẫn đang cư trú tại địa phương. Vợ chồng ông B xảy ra mâu thuẫn nên vợ ông B đã chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để giải quyết, xét xử vắng mặt ông B.

Vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Minh B cư trú tại phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Bị đơn ông Lê Minh B không tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp, ông bà đã được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 240/2019, ngày 13 tháng 9 năm 2019.

Bà A cho rằng, trong quá trình chung sống bà và ông B không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau nên hai người không còn sống chung, mạnh ai nấy sống. Tòa án có xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà A và ông B cư trú cho thấy bà A và ông B có xảy ra mâu thuẫn nên bà A có về nhà cha mẹ ruột sinh sống là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông B đến Tòa hòa giải nhưng ông không đến, chứng tỏ ông muốn bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A, không còn thiết tha xây dựng, vun vén hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định này, đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B đã trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[3.2] Về con chung: Bà A và ông B có con chung Lê Nguyễn Minh D, sinh ngày 24/3/2020. Khi bà A và ông B không sống chung thì bà A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, con dưới 36 tháng tuổi, nên để đảm bảo cuộc sống của cháu được ổn định cần tiếp tục giao cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, nhưng bà A chưa yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xét, nếu sau này bà A có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: Bà A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/**Tuyên xử**:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A, bà A được ly hôn ông Lê Minh B.

- ***Về con chung***: Giao cho bà Nguyễn Thị A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Nguyễn Minh D (giới tính nam), sinh ngày 24 tháng 3 năm 2020. Bà A chưa yêu cầu ông Lê Minh B cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- ***Về án phí***: Bà Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0009708 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- ***Về quyền kháng cáo***: Án xử sơ thẩm công khai, bà A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND TP Phan Thiết;
- UBND phường C;
- THA dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan